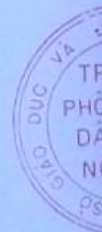


DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 6 TRƯỜNG PTDTNT TÂY NINH NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú		Đang học tại trường	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước			
							Xã	Huyện (ghi tắt)			ĐTB	ĐIỂM TOÁN	ĐIỂM VĂN	TB Văn Toán
1	Phạm Bảo	Ngọc	04/02/2014	Tây Ninh	Nữ	Nùng	Tân Lập	Tân Biên	TH Thạnh Bắc A	9.8	9.83	10	10	10
2	Hà Minh	Thành	31/03/2014	Bình Dương	Nam	Thái	Tân Lập	Tân Biên	TH Tân Khai	9.8	9.83	10	9	9.5
3	Cao Thị	Nhi	13/03/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	9.7	9.67	10	9	9.5
4	Cao Thị Ngọc	Trang	10/09/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	9.7	9.67	10	9	9.5
5	Lâm Thiên	Ẩn	15/07/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Suối Đá	Dương Minh Châu	TH Suối Đá A	9.7	9.67	10	9	9.5
6	Trần Thảo	My	02/02/2014	TPHCM	Nữ	Khmer	Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	TH Trương Định	9.5	9.50	5	8	6.5
7	Phonl	Dễ	31/08/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Ninh Điền	Châu Thành	TH Bến Cừ	9.5	9.50	9	8	8.5
8	Côm	Thiên	05/01/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Thành Long	Châu Thành	TH Ngô Thất Sơn	9.5	9.50	9	9	9
9	Nguyễn Thị Yên	Như	18/05/2014	Tây Ninh	Nữ	Tày	Suối Ngô	Tân Châu	TH Suối Ngô A	9.5	9.50	10	9	9.5
10	Bùi Thị Cẩm	Tú	02/03/2014	Tây Ninh	Nữ	Mường	Thạnh Tân	TP Tây Ninh	TH Lê Ngọc Hân	9.5	9.50	9	9	9
11	Lâm Thị	Lanh	11/09/2014	Tây Ninh	Nữ	Tà Mun	Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	9.3	9.33	9	10	9.5
12	Dư Tuệ	Lâm	20/10/2014	Tây Ninh	Nữ	Hoa	Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	TH Hoàng Diệu	9.2	9.17	9	7	8
13	Thị Chí	Ta	03/02/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	9.2	9.17	9	9	9
14	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	30/05/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Ninh Điền	Châu Thành	TH Bến Cừ	9.2	9.17	9	9	9
15	Cao Ngọc Thúy	Vy	24/03/2014	Sóc Trăng	Nữ	Khmer	Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	9.2	9.17	10	9	9.5
16	Cao Thị Nhật	Phượng	11/05/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	9.2	9.17	9	9	9
17	Hoàng Thị Gia	Yến	16/09/2014	Tây Ninh	Nữ	Cao lan	Suối Ngô	Tân Châu	TH Suối Ngô C	9.2	9.17	9	8	8.5
18	Cao Văn	Ninh	22/01/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	9.2	9.17	10	8	9
19	Phạm Trọng	Tài	23/10/2014	Tây Ninh	Nam	Mường	Thạnh Tây	Tân Biên	TH Thạnh Tây A	9.0	9.00	10	10	10
20	Hà Anh	Thư	25/07/2014	Tây Ninh	Nữ	Mường	Tân Lập	Tân Biên	TH Tân Khai	9.0	9.00	9	9	9
21	Nguyễn Ngọc	Ý	19/04/2014	Tây Ninh	Nữ	Mường	Suối Ngô	Tân Châu	TH Suối Ngô C	9.0	9.00	9	9	9



(Handwritten signature)

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú		Đang học tại trường	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước			
							Xã	Huyện (ghi tắt)			ĐTBM	ĐIỂM TOÁN	ĐIỂM VĂN	TB Văn Toán
22	Lâm Anh	Đạt	15/03/2014	Tây Ninh	Nam	Tà Mun	Suối Đá	Dương Minh Châu	TH Suối Đá A	9.0	9.00	7	7	7
23	Thị Y	Va	01/04/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	8.8	8.83	7	8	7.5
24	Hà Quỳnh	Như	15/02/2014	TPHCM	Nữ	Thái	Bình Minh	TP Tây Ninh	TH Nguyễn Thị Minh Kha	8.8	8.83	9	8	8.5
25	Chuong Ly	Ta	23/07/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Ninh Diên	Châu Thành	TH Bến Cừ	8.8	8.83	5	8	6.5
26	Niên Miết	Duy	28/06/2014	Tây Ninh	Nam	Khomer	Thành Long	Châu Thành	TH Ngô Thất Sơn	8.7	8.67	8	7	7.5
27	Mống Thị Như	Quỳnh	14/04/2014	Tây Ninh	Nữ	Cao Lan	Suối Ngõ	Tân Châu	TH Suối Ngõ C	8.7	8.67	9	8	8.5
28	Thị	Nanh	03/03/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	8.7	8.67	9	9	9
29	Đỗ Hoàng	Hiệp	19/12/2014	Tây Ninh	Nam	Tày	Thanh Tây	Tân Biên	TH Thanh Tây A	8.5	8.50	10	9	9.5
30	Cao Thị Kiều	My	02/03/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	8.5	8.50	8	7	7.5
31	Thị Sa	Ly	13/09/2014	Tây Ninh	Nữ	Chăm	Tân Hưng	Tân Châu	TH Võ Trường Toán	8.5	8.50	9	7	8
32	Danh Thị	Hà	13/12/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	8.5	8.50	8	8	8
33	Thị Tuyết	Thuận	24/10/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	8.5	8.50	7	7	7
34	Danh Thị Bé	Hường	06/12/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Tân Đông	Tân Châu	TH Tân Đông	8.3	8.33	8	8	8
35	Danh	Hạo	02/05/2014	Tây Ninh	Nam	Khomer	Hòa Hội	Châu Thành	TH Hòa Hội	8.3	8.33	7	8	7.5
36	Lâm Hải	Nam	07/08/2014	Thái Bình	Nữ	Nùng	Tân Lập	Tân Biên	TH Thanh Bắc A	8.3	8.33	9	9	9
37	Danh	Đạt	07/05/2014	Tây Ninh	Nam	Khomer	Tân Hưng	Tân Châu	TH La Văn Cầu	8.3	8.33	9	8	8.5
38	Chăm Abdul Ha	Fiz	07/11/2014	Tây Ninh	Nam	Chăm	Tân Hưng	Tân Châu	TH Tân Hưng A	8.2	8.17	6	5	5.5
39	Danh Hoài	Anh	22/10/2014	Tây Ninh	Nam	Khomer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	8.2	8.17	8	7	7.5
40	Bùi Lê Thị Hương	Xuân	11/07/2014	Tây Ninh	Nữ	Mường	Tân Lập	Tân Biên	TH Tân Khai	8.2	8.17	9	8	8.5
41	Thị Mỹ	Kim	16/03/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	8.2	8.17	7	6	6.5
42	Cao Thị	My	15/10/2013	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	8.2	8.17	10	7	8.5
43	Danh Thị	Hà	24/06/2014	Tây Ninh	Nữ	Khomer	Tân Hưng	Tân Châu	TH La Văn Cầu	8.0	8.00	10	8	9
44	Danh	Khươn	16/02/2014	Tây Ninh	Nam	Khomer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	8.0	8.00	10	7	8.5
45	Lâm Đại	Hải	14/12/2013	Tây Ninh	Nam	Khomer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa	7.8	7.83	7	6	6.5

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú		Đang học tại trường	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước			
							Xã	Huyện (ghi tắt)			ĐTBM	ĐIỂM TOÁN	ĐIỂM VĂN	TB Văn Toán
46	Lâm Lưu Hào	Thiên	24/07/2014	Tây Ninh	Nam	Tà Mun	Tân Hòa	Tân Châu	TH Bưng Bàng	7.8	7.83	7	6	6.5
47	Bùi Việt	Anh	17/01/1987	Tây Ninh	Nam	Mường	Suối Ngõ	Tân Châu	TH Suối Ngõ C	7.8	7.83	7	6	6.5
48	Cao Thị Bé	Lan	15/12/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	7.8	7.83	9	6	7.5
49	Tuốt Bé	Bi	05/05/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Ninh Điền	Châu Thành	TH Bến Cừ	7.8	7.83	6	8	7
50	Trần Lâm Duy	Phương	04/12/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Phan	Dương Minh Châu	TH Suối Đá A	7.8	7.83	6	6	6
51	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/07/2014	Hà Nội	Nữ	Mường	Tân Hội	Tân Châu	TH Tân Hội A	7.8	7.83	6	7	6.5
52	Cao Văn Sĩ	Nê	09/09/2014	Sóc Trăng	Nam	Khmer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	7.7	7.67	9	6	7.5
53	Châm I	Sa	04/02/2014	Tây Ninh	Nam	Chăm	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Đông	7.5	7.50	7	7	7
54	Thị Vi Ri	Gia	12/10/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Đông	7.5	7.50	7	7	7
55	Giao Xim	Ra	17/04/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Ninh Điền	Châu Thành	TH Bến Cừ	7.5	7.50	7	5	6
56	Danh	Lôm	01/05/2014	Bình Phước	Nam	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	TH Tân Đông	7.3	7.33	7	6	6.5
57	Nguyễn Song	Thư	23/12/2014	Tây Ninh	Nữ	Tây	Suối Ngõ	Tân Châu	TH Suối Ngõ C	7.3	7.33	8	7	7.5
58	Lâm	Râm	09/02/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	7.3	7.33	5	6	5.5
59	Tạ Nhật	Anh	24/01/2014	Tây Ninh	Nam	Tây	Suối Ngõ	Tân Châu	TH Suối Ngõ C	7.3	7.33	6	7	6.5
60	Thị Bé	My	30/06/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa	7.2	7.17	6	7	6.5
61	Honl	Hên	07/02/2014	TPHCM	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	TH Tân Đông B	7.2	7.17	6	6	6
62	Thạch Văn	Phúc	01/01/2013	Tây Ninh	Nam	Khmer	Ninh Điền	Châu Thành	TH Bến Cừ	7.2	7.17	8	6	7
63	Lâm Thanh	Thuận	13/03/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Đông	7.0	7.00	6	6	6
64	Ngìn Văn	Huy	27/06/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Ninh Điền	Châu Thành	TH Bến Cừ	7.0	7.00	6	8	7
65	Cao Văn	Nu	21/10/2012	Tây Ninh	Nam	Khmer	Thanh Tân	TP. Tây Ninh	TH La Văn Cầu	7.0	7.00	8	8	8
66	Lâm Thanh	Tù	26/01/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	7.0	7.00	7	5	6
67	Ta Bảo	Anh	24/01/2014	Tây Ninh	Nam	Tây	Suối Ngõ	Tân Châu	TH Suối Ngõ C	7.0	7.00	5	6	5.5
68	Danh	Na	29/06/2013	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Thành	Tân Châu	TH Bến Cừ	7.0	7.00	5	5	5
69	Siêm Thanh	Toán	30/03/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Hòa Hiệp	Tân Biên	TH Hòa Đông A	6.8	6.83	7	6	6.5

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú		Đang học tại trường	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước			
							Xã	Huyện (ghi tắt)			ĐTB	ĐIỂM TOÁN	ĐIỂM VĂN	TB Văn Toán
70	Dương Minh	Hậu	25/03/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	TH Tân Đông B	6.8	6.83	7	7	7
71	Sem Nhựt	Khánh	13/03/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	6.8	6.83	6	6	6
72	Châm Sa	Ríp	29/03/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hưng	Tân Châu	TH Tân Hưng A	6.5	6.50	6	5	5.5
73	Rân Ly	Đa	05/01/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	TH Tân Đông	6.3	6.33	6	6	6
74	Tha	Thanh	24/04/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	TH Tân Đông B	6.3	6.33	7	6	6.5
75	Hoàng Phi	Sơn	30/08/2014	Tây Ninh	Nam	Tà Mun	Suối Ngõ	Tân Châu	TH Suối Ngõ A	6.0	6.00	6	5	5.5
76	Thân Cha	Ra	18/11/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	TH Tân Đông	5.8	5.83	6	6	6
77	Vinh	Thonl	19/06/2014	Tây Ninh	Nam	Khmer	Ninh Diên	Châu Thành	TH Bến Cừ	5.8	5.83	5	6	5.5
78	Trần Mây Gia	Khang	18/08/2013	Tây Ninh	Nam	Khmer	Trường tây	Hòa Thành	TH Nguyễn Du	5.8	5.83	8	5	6.5
79	Nông Gia	Huy	11/8/2014	Tây Ninh	Nam	Mường	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	5.7	5.67	7	7	7
80	Chu Trường	Sơn	29/10/2014	Tây Ninh	Nam	Tây	Tân Hòa	Tân Châu	TH Tân Hòa A	5.5	5.50	6	5	5.5
81	Vô Thị Hồng	Đào	12/04/2014	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Ninh Diên	Châu Thành	TH Bến Cừ	5.2	5.17	5	6	5.5
82	Nguyễn Minh	Đạt	28/11/2014	Bình Dương	Nam	Cao lan	Suối Ngõ	Tân Châu	TH Thuận Giao 2	5.2	5.17	6	5	5.5

Tổng danh sách có 82 học sinh.

Người lập bảng

Lê Thị Phương Thảo

Tây Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt



Nguyễn Văn Phước



Lê Thị Tươi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH TÂY NINH

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO TRƯỜNG PT DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH TÂY NINH NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH HỌC SINH TUYỂN VÀO TRƯỜNG TRUNG TẬP DAN TỘC NỘI TRƯ TỈNH TÂY NINH													
STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Nơi cư trú		Đang học tại trường	Lớp đăng ký	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước	Ghi chú
							Xã	Huyện (ghi tắt)				TB Văn-Toán	
	Danh sách học sinh lớp 10												
1	Cao Thị Phương	Thùy	24/12/2010	Tây Ninh	Nữ	Mường	Thành Bình	Tân Biên	THCS Thạnh Bình	10	36,0	6,3	
2	Chóc Ly	Da	31/05/2010	Tây Ninh	Nữ	Khơme	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	36,0	7,5	
3	Phorn	Tay	14/02/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	36,0	7,7	
4	Bùi Minh	Quân	30/05/2010	Tây Ninh	Nam	Mường	Suối Dây	Tân Châu	THCS Suối Dây	10	34,0	7,8	
5	Lý Thị Khánh	An	12/03/2010	Sóc Trăng	Nữ	Khơme	Ninh Thạnh	TP Tây Ninh	THCS Nguyễn Thái Học	10	34,0	6,5	
6	Chăm Pu Ka	Ri	16/01/2010	Tây Ninh	Nam	Chăm	Chăm	Tân Châu	THCS Suối Dây	10	31,0	5,4	
7	Lâm Thị Kiều	Oanh	19/02/2010	Tây Ninh	Nữ	Tà Mun	Tân Thành	Tân Châu	THCS Đồng Rùm	10	31,0	6,7	
8	Khe Thị	Xiêng	19/07/2010	Tây Ninh	Nữ	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	29,0	6,3	
9	Lâm Thị	Gái	01/02/2010	Tây Ninh	Nam	Tà Mun	Tân Thành	Tân Châu	THCS Đồng Rùm	10	29,0	5,2	
10	Mon Rắc Sơ	Mây	28/05/2010	Tây Ninh	Nữ	Khơme	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	29,0	6,9	
11	Lâm Thị Bạch	Kim	09/09/2010	Tây Ninh	Nữ	Tà Mun	Tân Thành	Tân Châu	THCS Đồng Rùm	10	29,0	6,2	
12	Khuy Hoàng	Hồng	19/04/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	28,0	5,8	
13	Von Văn	Đạt	31/01/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	28,0	5,1	

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Nơi cư trú		Đang học tại trường	Lớp đăng ký	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước	Ghi chú
							Xã	Huyện (ghi tắt)				TB Văn-Toán	
14	Hoan Sây	Ha	03/11/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	28,0	4,7	
15	Trương Lê Công	Hiếu	11/08/2010	Tây Ninh	Nam	Mường	Đồng Khởi	Châu Thành	THCS Chu Văn An	10	28,0	4,5	
16	Châu Pi	Sây	17/11/2010	Tây Ninh	Nữ	Khơme	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	28,0	7,5	
17	Chhet Đa	Lìn	12/03/2010	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	28,0	7,5	
18	Lê Duy	Phúc	23/11/2010	Tây Ninh	Nam	Mường	Thạnh Bình	Tân Biên	THCS Tân Lập	10	28,0	5,3	
19	Tăng Khánh	Du	24/03/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	27,0	6,4	
20	Hồ Chanh	Đi	05/02/2010	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	27,0	5,4	
21	Lê Khánh	Linh	06/09/2010	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Tân Lập	Tân Biên	THCS Tân Lập	10	27,0	5,5	
22	Ônh Thị Chanh	Mây	29/10/2009	Tây Ninh	Nữ	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	27,0	5,7	
23	Sắc Hoàng	Sa	26/09/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	26,0	5,7	
24	Chên Ruóch	Đana	09/09/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	26,0	5,4	
25	Lâm Nguyễn Nhật	Hùng	11/11/2010	Tây Ninh	Nữ	Khơme	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	10	26,0	5,0	
26	Kim Phi	Rum	19/11/2010	Tây Ninh	Nam	Khơme	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	25,0	6,1	
27	Rom Na	Ron	18/12/2009	Tây Ninh	Nam	Khơme	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	10	25,0	6,0	
28	Bế Thị Thùy	Trâm	30/11/2010	Sóc Trăng	Nữ	Nùng	Tân Hà	Tân Châu	THCS Tân Hà	10	25,0	5,5	
Danh sách học sinh lớp 9													

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Nơi cư trú		Đang học tại trường	Lớp đăng ký	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước	Ghi chú
							Xã	Huyện (ghi tắt)				TB Văn-Toán	
1	Tiêu Thị Thúy	An	30/06/2011	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Nguyễn Huệ	9	21,0	5,6	
2	Lâm	Hùng	11/11/2011	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	9	21,0	5,4	
3	Lâm Đại	Hiệp	22/10/2011	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	9	21,0	6,0	
4	Danh	Dớt	18/11/2011	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	9	21,0	6,1	
5	Minh Res	May	10/11/2011	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	9	20,0	5,5	
6	Lâm	Chắc	18/07/2011	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	9	20,0	5,6	
7	Lâm	Chem	18/07/2011	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	9	20,0	5,5	
8	Hên Som	Nang	07/11/2010	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Hòa	9	19,0	5,8	
9	Chê Sa	Đa	20/01/2011	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	9	19,0	5,6	
Danh sách học sinh lớp 8													
1	Cao Thị Ngọc	Hiền	24/07/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Trường Tây	Hòa Thành	THCS Nguyễn Huệ	8	18,0	7,1	
2	Mây Thị Bé	Trà	24/12/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Trường Tây	Hòa Thành	THCS Nguyễn Huệ	8	16,0	6,7	
3	Nguyễn Thành Minh	Tinh	30/10/2012	Tây Ninh	Nam	Hoa	Tiên Thuận	Bến Cầu	THCS Tiên Thuận	8	14,0	5,9	
4	Nguyễn Thị Minh	Hằng	16/09/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	8	14,0	4,7	
5	Hoàng Thái	Bảo	22/12/2012	Tây Ninh	Nam	Tày	Tân Lập	Tân Biên	THCS Tân Lập	8	14,0	5,4	

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Nơi cư trú		Đang học tại trường	Lớp đăng ký	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước	Ghi chú
							Xã	Huyện (ghi tắt)				TB Văn-Toán	
6	Danh Thị Bé	Hiền	13/03/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Suối Dầm	Tân Đông	THCS Tân Đông	8	14,0	5,1	
7	SoRi	Na	20/06/2012	Tây Ninh	Nam	Khmer	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	8	14,0	5,1	
8	Lâm	Khang	21/11/2012	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Châu	Tân Châu	THCS Tân Lập	8	13,0	4,6	
9	Lát Pho	Linh	07/09/2012	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	8	13,0	5,5	
10	Lâm	Quy	02/07/2011	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	8	13,0	4,8	
11	Thị	Na	09/11/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	8	13,0	5,1	
12	Pú Si	Pây	11/10/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	8	13,0	6,2	
13	Thị	Thảo	26/05/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	8	13,0	6,1	
14	Ra	Dút	05/06/2012	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	8	12,0	5,9	
15	Cao Thị Thùy	Duyên	08/04/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Hòa Hiệp	Tân Biên	THCS Hòa Hiệp	8	12,0	5,8	
16	Lâm Tô	Ni	28/07/2012	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	8	12,0	5,7	
17	Thị	Kim	05/12/2012	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	8	11,0	4,6	
18	Bùi Trung	Hiếu	21/01/2012	Tây Ninh	Nam	Thái	Suối Dây	Tân Châu	THCS Suối Dây	8	10,0	7,5	
Danh sách học sinh lớp 7													
1	Thị Phương	Mai	27/08/2013	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	7	7,0	5,6	

TÁC
NG
HÔNG
TỔC
TRÚ
★ H

STT	Họ , đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh (tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Nơi cư trú		Đang học tại trường	Lớp đăng ký	Điểm xét tuyển	Kết quả năm học liền trước	Ghi chú
							Xã	Huyện (ghi tắt)				TB Văn-Toán	
2	Thị	Ra	21/03/2013	Tây Ninh	Nữ	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	7	7,0	6,4	
3	Lâm Mỹ	Chi	07/11/2013	Tây Ninh	Nữ	Tà Mun	Suối Đá	Dương Minh Châu	THCS Suối Đá	7	7,0	5,6	
4	Lâm Thị	Xiêng	18/09/2013	Tây Ninh	Nữ	Tàmun	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	7	7,0	6,0	
5	Lâm Khả	Trân	15/08/2013	Bình Phước	Nữ	Khome	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	7	7,0	5,3	
6	Phia Sa	Phiêng	16/05/2013	Tây Ninh	Nữ	Khome	Tân Đông	Tân Châu	THCS Tân Đông	7	7,0	5,8	
7	Sôn Panh	Nha	29/09/2013	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	7	7,0	4,9	
8	Đinh Trọng	Khang	06/06/2013	Tây Ninh	Nam	Khmer	Tân Lập	Tân Biên	THCS Tân Lập	7	7,0	5,6	
9	Lâm Quốc	Thái	15/11/2013	Tây Ninh	Nam	Khơ Me	Tân Hòa	Tân Châu	THCS Tân Hòa	7	6,0	5,8	

Tổng danh sách có 64 học sinh, trong đó lớp 10: 28 học sinh, lớp 9: 9 học sinh, lớp 8: 18 học sinh và lớp 7: 9 học sinh.

Người lập bảng

Lê Thị Phương Thảo

Tây Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2025
Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt



Nguyễn Văn Phước

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ THÔNG
DÂN TỘC
NỘI TRÚ

Lê Thị Tươi